

Số: /TTr-UBND
(DỰ THẢO)

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ 10 chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

1.1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Khoản 6, Điều 18 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ, quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

“a) Ban hành chính sách khuyến khích; phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, dự án sản xuất hữu cơ tại địa phương;

b) Bố trí kinh phí thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ theo quy định tại Nghị định này tại địa phương; ...”

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, khoản 3, 4, Điều 27, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương”; “Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

1.2. Căn cứ vào tình hình thực tiễn

Việc sản xuất nông sản hữu cơ, đáp ứng nhu cầu của thị trường đang thúc đẩy các nông hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ, gia tăng giá trị và phát triển kinh tế nông nghiệp. Hiện nay các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp đang có xu hướng đầu tư mạnh mẽ vào sản xuất đối với nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi, trong đó đặc biệt chú trọng vào một số sản phẩm đặc hữu bản địa, có lợi thế cạnh tranh vùng miền, địa phương; Với đặc điểm an toàn, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và tốt cho sức khỏe, thực phẩm hữu cơ đang ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng; đáp ứng nhu cầu ăn ngon và bảo vệ môi trường đang trở thành xu hướng tiêu dùng tiên tiến hiện nay và trong thời gian tới. Tiêu thụ thực phẩm hữu cơ đã trở thành một xu hướng mới ở Việt Nam; thậm chí, trong vài năm trở lại đây, các sản phẩm hữu cơ đang tạo nên cơn sốt đối với một bộ phận người tiêu dùng.

Tại Tuyên Quang, sản xuất trồng trọt hữu cơ bắt đầu được triển khai từ cuối năm 2017 đến nay, đã tham gia thực hiện Dự án Tăng cường cơ cấu sản xuất và tiếp thị cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ ở phía Bắc Việt Nam (MOAP) của Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam do Tổ chức Phát triển Nông nghiệp Đan Mạch châu Á (ADDA) tài trợ. Hệ thống đảm bảo cùng tham gia (PGS) tại Tuyên Quang ra đời, đã tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy nông dân các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh trong việc áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ và chứng nhận Hệ thống đảm bảo PGS. Đến hết năm 2019, toàn tỉnh đã có 30,1 ha cam, 29,0 ha bưởi được công nhận sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn PGS trong giai đoạn chuyển đổi; 21 ha chè, 3,0 ha lúa được chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017; tổ chức sản xuất hữu cơ gắn với liên kết với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm cho nông dân được quan tâm và đặt lên hàng đầu, tạo niềm tin và phong trào trong sản xuất hữu cơ.

Nông nghiệp hữu cơ tỉnh ta mới đang ở giai đoạn đầu phát triển, các chính sách cụ thể để hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp hữu cơ chưa nhiều. Sản xuất hữu cơ tại tỉnh ta đang diễn ra nhỏ lẻ, tự phát, chưa có doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất; sản phẩm làm ra chưa có thị trường tiêu thụ, quy trình sản xuất khắt khe, nguồn vật tư đầu vào cho sản xuất chưa đa dạng, do vậy những người sản xuất trồng trọt hữu cơ tiên phong đang gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển mở rộng sản xuất, chưa có sản phẩm chăn nuôi hữu cơ. Hơn nữa, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của nông dân chưa được chứng nhận để đưa ra thị trường đúng với chất lượng. Hiểu biết của người sản xuất, người tiêu dùng và của cộng đồng về nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế...

Để nâng cao được giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong sản xuất nông nghiệp, việc khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ là việc làm cần thiết để tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao giá trị, sản xuất bền vững, thân thiện với môi trường. Do vậy, việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là yêu cầu cần thiết đối với phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với tình hình mới hiện nay.

2. Mục tiêu

Ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, góp phần động viên, khích lệ, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ nông dân đầu tư vào sản xuất tạo ra sản phẩm hữu cơ nhằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, bảo vệ sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, từng bước, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ và thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

3. Nội dung Nghị quyết

3.1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ áp dụng đối với một số sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ (*sau đây viết tắt là Nghị định số 109/2018/NĐ-CP*) và các chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

3.2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình hoặc nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là tổ chức, cá nhân) theo dự án, kế hoạch được phê duyệt.

3.3. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ

- a) Danh mục, quy mô sản phẩm được hỗ trợ
- Cây ăn quả
 - + Cây cam, bưởi: Quy mô tối thiểu 10,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.
 - + Cây nhãn, thanh long, chanh, na: Quy mô tối thiểu 5,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.
 - Cây công nghiệp:
 - + Cây chè: Quy mô tối thiểu 5,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.
 - + Cây lạc: Quy mô tối thiểu 10,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.
 - Cây lương thực (lúa): Quy mô tối thiểu 10,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

- Cây rau, củ, quả các loại: Quy mô tối thiểu 2,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

- Cây dược liệu (đỉnh lăng, cà gai leo, sâm quy, đương quy, ba kích): Quy mô tối thiểu 3,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

- Đại gia súc (trâu, bò thịt): Quy mô thường xuyên tối thiểu 100 con/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

- Gia súc (lợn thịt): Quy mô thường xuyên tối thiểu 400 con/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

- Gia cầm thịt (gà, vịt): Quy mô thường xuyên tối thiểu 3.000 con/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

- Cá đặc sản (cá chiên, cá lăng chấm, cá bống), cá có giá trị kinh tế cao (nheo Mỹ, cá quả, cá trắm cỏ, cá chép, cá chạch sông, cá chình): Quy mô tối thiểu 500m³ lồng/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân đối với nuôi bằng lồng trên sông, hồ hoặc tối thiểu 2,0 ha liền vùng/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân đối với nuôi tại ao, hồ chuyên nuôi thủy sản.

b) Mỗi tổ chức, cá nhân được hưởng một hoặc đồng thời nhiều nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

3.4. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân.

b) Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.

c) Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng sản xuất hữu cơ

- Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn về sản xuất hữu cơ; định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

- Hỗ trợ 70% kinh phí xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: Chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/mô hình.

d) Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư: Hỗ trợ 80% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.

e) Ngoài nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều 3 của Nghị quyết này thì ưu tiên áp dụng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đã ban hành để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển nông nghiệp hữu cơ.

4. Giải pháp thực hiện chính sách

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách trên Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, các phương tiện thông tin truyền thông và thông qua Hội nghị của các cấp, các ngành liên quan.

- Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để tham gia thực hiện chính sách.

- Phân công các đơn vị liên quan chủ trì tham mưu, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân tổ chức thực hiện; phân công các tổ chức, đơn vị giám sát việc thực hiện chính sách.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí nguồn lực phù hợp để đảm bảo thực hiện chính sách.

- củng cố, thành lập mới các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất, chế biến các mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhằm đẩy mạnh khả năng tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ do nông dân sản xuất.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân, thương nhân tham gia đầu tư, sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

- Tập trung hỗ trợ cho người sản xuất (hộ gia đình, cá nhân, chủ trang trại), tổ chức đại diện của nông dân (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác), doanh nghiệp trong nước tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

5. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Lồng ghép từ các chương trình, dự án khác đang triển khai thực hiện.

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

6. Dự kiến kinh phí thực hiện

Kinh phí dự kiến thực hiện: 44,9 tỷ đồng. Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: 3,25 tỷ đồng.

- Kinh phí hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: 11,7 tỷ đồng.
- Kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: 12,35 tỷ đồng.
- Kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư sản xuất hữu cơ: 17,6 tỷ đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 10 xem xét, quyết nghị./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Kính trình);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên NLN;
- Lưu: VT.

DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỮU CƠ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr - UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Triệu đồng					
STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng
1	Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân.	Khu vực sản xuất/ tổ chức, cá nhân	65	50	3.250
2	Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.	Giấy chứng nhận/tổ chức, cá nhân	65		11.700
3	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng sản xuất hữu cơ				12.350
-	a) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn về sản xuất hữu cơ; định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.	Lớp	65	30	1.950
-	b) Hỗ trợ 70% kinh phí xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: Chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/mô hình.	Khu vực sản xuất	26	400	10.400

4	Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư: Hỗ trợ 01 lần 80% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.	Hợp đồng vay vốn/tổ chức, cá nhân	11	1.600	17.600,0
	TỔNG				44.900,0